

Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST
Ngày 08-8-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Hữu T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Đinh Hữu T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hòa thuận đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ giữa năm 2011 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Yên Bái sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Hữu T.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đinh Hữu T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Đỗ Thị Th đúng như chị Th đã trình bày. Anh T xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 11/2011 thì chị Th có xin anh đi làm công ty, năm ngày sau anh không thấy chị Th về nhà nên anh có gọi điện thoại thì chị Th nói là đang ở nhà bố mẹ đẻ, anh đã lên tận nhà bố mẹ đẻ chị Th ở thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Yên Bái để đón chị Th về nhưng chị Th nhất quyết không quay về chung sống với anh, vợ chồng li thân nhau từ đó cho đến nay không còn gặp gỡ nhau nữa. Khi còn chung sống với nhau thì vợ chồng anh thỉnh thoảng có xảy ra xô xát to tiếng nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị Th xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Th không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Đinh Chấn L, sinh ngày 31/3/2008, hiện nay đang ở với anh T. Tuy nhiên, anh chị không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung. Cả chị Th và anh T đều xin được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị Th và anh T thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị Th, anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều

81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Th: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Đinh Hữu T. Về con chung: Giao cháu Đinh Chấn L, sinh ngày 31/3/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành, lao động tự lập được, chị Th không phải đóng góp phí tổn nuôi con. Về án phí: Chị Th và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th và bị đơn là anh Đinh Hữu T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Th và anh Đinh Hữu T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau, từ khoảng cuối năm 2011 chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm và cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị Th và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị Th và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh T có một con chung tên là Đinh Chấn L, sinh ngày 31/3/2008, hiện nay đang ở với anh T. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên, đồng thời cần đảm bảo ổn định việc ăn ở, học hành của con. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu L đều ở với anh T và được anh chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học đầy đủ, bản thân cháu L cũng có

nguyện vọng xin được ở với bố, vì vậy cần giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu L, chị Th không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị Th và anh T cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Th và anh T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Đinh Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Chấn L, sinh ngày 31/3/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh T.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.

3. Án phí:

- Chị Đỗ Thị Th phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002103 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị Th đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị Th số tiền 225.000 đồng.

- Anh Đinh Hữu T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Thi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

3. Án phí: Chị Dương Thị Thúy Hồng và anh Nguyễn Văn Hùng mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hồng, chuyển số tiền 300.000 đồng chị Hồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000126 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng thành án phí ly hôn sơ thẩm chị Hồng, anh Hùng phải chịu. (Chị Hồng và anh Hùng đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Hoàn trả lại cho chị Hồng số tiền 150.000 đồng.

